

Số: **5995** /TTr-UBND

Đắk Nông, ngày **19** tháng 10 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt bổ sung tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Nông năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026; Công văn số 3887/BNV-TCBC ngày 12/8/2022 của Bộ Nội vụ về thực hiện bổ sung biên chế giáo viên công lập năm học 2022-2023 theo Quyết định của Bộ Chính trị. UBND tỉnh báo cáo như sau:

Ngày 22/9/2022, Ban cán sự đảng UBND tỉnh ban hành Công văn số 217-CV/BCSĐ xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về việc giao bổ sung biên chế giáo viên cho Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; ngày 03/10/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 383-KL/TU về việc giao bổ sung biên chế giáo viên của tỉnh năm học 2022-2023, trong đó có nội dung: *"Đồng ý giao bổ sung 115 biên chế giáo viên năm học 2022-2023, theo đề xuất của Ban cán sự đảng UBND tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Lưu ý việc giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị, địa phương phải bảo đảm theo đúng quy định"*.

Tại Mục 1 Công văn số 3887/BNV-TCBC ngày 12/8/2022 của Bộ Nội vụ, có nội dung: *"Trên cơ sở số biên chế giáo viên được bổ sung đối với từng bậc học tại Phụ lục số 4 kèm theo Quyết định số 72-QĐ/TW, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện việc bổ sung biên chế giáo viên của địa phương theo quy định hiện hành"*.

Tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, quy định **trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**: *"Trình HĐND cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định"*.

Tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, quy định: *"UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp*

phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được HĐND phê duyệt; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý".

Từ những nội dung nêu trên, để có cơ sở giao bổ sung biên chế giáo viên năm học 2022 - 2023 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết phê duyệt bổ sung tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Nông năm 2022 (có dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, GD&ĐT;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Hồ Văn Mười

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt bổ sung tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Nông năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Công văn số 3887/BNV-TCBC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nội vụ về thực hiện bổ sung biên chế giáo viên công lập năm học 2022 - 2023 theo Quyết định của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ tiêu biên chế trong các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông năm 2022;

Theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Nông năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên tỉnh Đắk Nông năm 2022 là **115** người, nâng tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp

công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên tỉnh Đắk Nông năm 2022 lên **13.160** người (13.045+115).

Điều 2. Căn cứ số lượng người làm việc được phê duyệt bổ sung tại Điều 1, UBND tỉnh quyết định giao bổ sung số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ; Ban Công tác đại biểu;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3887 /BNV-TCBC

V/v thực hiện bổ sung biên chế giáo viên công lập năm học 2022-2023 theo Quyết định của Bộ Chính trị

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026, trong đó bổ sung biên chế giáo viên công lập năm học 2022-2023 cho từng địa phương; để việc thực hiện giao bổ sung kịp thời biên chế giáo viên cho năm học 2022-2023, đảm bảo đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý biên chế, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Trên cơ sở số biên chế giáo viên được bổ sung đối với từng bậc học tại Phụ lục số 4 kèm theo Quyết định số 72-QĐ/TW, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện việc bổ sung biên chế giáo viên của địa phương theo quy định hiện hành.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương thực hiện các công việc sau:

a) Quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế giáo viên được giao.

b) Tuyển dụng giáo viên trong chỉ tiêu biên chế theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vị trí việc làm, cơ cấu môn học theo từng bậc học.

c) Tổ chức lại các cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học; thu gọn lại các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương.

d) Nâng cao mức độ tự chủ tài chính của cơ sở giáo dục công lập, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, nhất là xã hội hóa đối với bậc học mầm non và tiểu học, theo đó giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng chủ trương theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

đ) Thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo đúng quy định của Đảng và của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ về việc thực hiện bổ sung biên chế giáo viên năm học 2022-2023 theo Quyết định của Bộ Chính trị, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổ chức Trung ương (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu: VT, TCBC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Thừa



Ký bởi: Tỉnh ủy Nam Định



Bộ Chính trị
30-07-2022 09:33:29 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 72-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc,

tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy,
đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY NAM ĐỊNH
VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG
Số: 3050. Ngày: 01/8/2022
Chuyên: Đ.C. Đ.T. P.B.T.
Lưu hồ sơ số:

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII;

- Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW, ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

- Căn cứ Quyết định số 71-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026,

- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo thực hiện quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tổng biên chế các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026 (đến hết năm 2026) là **1.979.433** biên chế, cụ thể:

1. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương là **6.285** biên chế (*Phụ lục 1 kèm theo*), gồm **3.335** cán bộ, công chức và **2.950** viên chức.

2. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương (cấp tỉnh và cấp huyện) là **64.266** biên chế

(Phụ lục 2 kèm theo), gồm 55.949 cán bộ, công chức; 6.959 viên chức và 1.358 biên chế công đoàn tạm giao.

3. Chính quyền địa phương (gồm ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân) cấp tỉnh trở xuống; đơn vị sự nghiệp công lập, hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương; cán bộ, công chức cấp xã là 1.908.882 biên chế (Phụ lục 3 kèm theo), cụ thể:

- 140.826 cán bộ, công chức.

- 1.562.485 viên chức (trong đó 65.980 biên chế giáo viên bổ sung giai đoạn 2022 - 2026. Riêng năm học 2022 - 2023 tạm giao 27.850 biên chế giáo viên cho các địa phương - Phụ lục 4 kèm theo).

- 205.571 cán bộ, công chức cấp xã (tạm tính theo số liệu năm 2021, sau đó thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và giảm tương ứng theo lộ trình giảm các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2022 - 2026).

Điều 2. Ban Tổ chức Trung ương căn cứ Quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị và Quyết định này để ban hành quyết định giao biên chế hằng năm cho các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị thuộc quyền quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm thực hiện nghiêm công tác quản lý biên chế theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Chi đạo thực hiện quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thương

PHỤ LỤC 4:
BỘ SUNG BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị)

STT	Tên địa phương, cấp học	Đề nghị của địa phương năm học 2021-2022			Biên chế giáo viên tính theo định mức		Đề xuất bổ sung biên chế giáo viên năm học 2022-2023 (trên cơ sở đề xuất của Ban cán sự đảng Chính phủ tại Văn bản số 516-BC/BCSDCP)
		Giáo viên	Giáo viên thừa so với năm học 2020-2021	Giáo viên thiếu so với năm học 2020-2021	Tổng số	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Cộng	1.212.684	-2.161	101.745	1.095.527	65.980	27.850
	Mầm non	325.937	-50	51.388	310.739	38.925	13.015
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	428.637	-117	28.178	391.807	23.550	8.162
	Trung học CS	308.774	-1.896	15.253	261.298	1.261	4.665
	Trung học PT	149.337	-98	6.926	131.683	2.244	2.008
I	Thành phố đặc biệt	157.893	-356	8.147	159.862	12.604	2.566
	Mầm non	43.200		1.562	40.995		
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	50.678		1.886	60.301	11.509	716
	Trung học CS	43.789	-356	3.272	39.438		1.309
	Trung học PT	20.226		1.427	19.128	1.095	541
1	Hà Nội	91.510		6.902	92.740	8.720	2.361
	Mầm non	30.115		1.000	28.824		
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	27.188		1.500	33.313	7.625	600
	Trung học CS	24.403		3.272	20.834		1.309
	Trung học PT	9.804		1.130	9.769	1.095	452
2	TP Hồ Chí Minh	66.383		889	67.123	3.884	205
	Mầm non	13.085		562	12.171		
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	23.490		386	26.988	3.884	116
	Trung học CS	19.386	-356		18.604		
	Trung học PT	10.422		297	9.359		89
II	Thành phố khác	48.117	-13	1.304	47.774	2.595	438
	Mầm non	11.890		606	12.846	1.562	240
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	16.921		359	17.374	1.016	104
	Trung học CS	12.665	-13	77	11.933	0	19
	Trung học PT	6.641		262	5.621	17	75
3	Hải Phòng	23.766		726	24.724	1.910	267
	Mầm non	7.041		461	7.853	1.273	184
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	7.949		184	8.385	620	55
	Trung học CS	6.196	-13		5.983		
	Trung học PT	2.580		94	2.503	17	28
4	Đà Nẵng	11.308		126	11.209	538	27
	Mầm non	2.030		20	2.152	142	6
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	4.224		32	4.588	396	6
	Trung học CS	3.118		40	2.897		8
	Trung học PT	1.936		34	1.573		7
5	Cần Thơ	13.043		439	11.840	147	144
	Mầm non	2.819		125	2.841	147	50
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	4.748		143	4.401		43
	Trung học CS	3.351		37	3.053		11
	Trung học PT	2.125		134	1.545		40
III	Đồng bằng Sông Hồng	154.020		19.412	142.880	11.494	4.986
	Mầm non	53.565		10.215	49.697	6.420	2.474
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						

STT	Tên địa phương, cấp học	Đề nghị của địa phương năm học 2021-2022			Biên chế giáo viên tính theo định mức		Đề xuất bổ sung biên chế giáo viên năm học 2022-2023 (trên cơ sở đề xuất của Ban cán sự đảng Chính phủ tại Văn bản số 516-BC/BCSDCP)
		Giáo viên	Giáo viên thừa so với năm học 2020-2021	Giáo viên thiếu so với năm học 2020-2021	Tổng số	Thiếu	
	Mầm non	5,212		440	3,719		0
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	10,674		542	8,535		163
	Trung học CS	7,250		210	5,572		63
	Trung học PT	3,393		55	3,028		17
45	Đắk Nông	9,378		489	8,550	51	115
	Mầm non	2,155		172	2,034	51	20
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	3,451		160	3,268		48
	Trung học CS	2,440		101	2,073		30
	Trung học PT	1,332		56	1,176		17
46	Lâm Đồng	16,842		67	15,834	338	44
	Mầm non	3,149	-5		3,492	338	
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	6,127	-42		6,132		
	Trung học CS	4,881	-32		4,021		
	Trung học PT	2,685		146	2,189		44
IX	Đông Nam Bộ	86,015		5,938	83,554	6,846	1,753
	Mầm non	16,475		1,366	16,993	1,884	390
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	32,837		2,129	34,499	4,141	634
	Trung học CS	25,456		1,942	22,599	821	578
	Trung học PT	11,247		501	9,463	0	151
47	Bình Phước	14,254		967	12,039	127	198
	Mầm non	3,122		478	2,771	127	51
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	4,963		341	4,531		102
	Trung học CS	4,039		79	3,073		24
	Trung học PT	2,130		69	1,665		21
48	Tây Ninh	11,699		258	11,186	348	67
	Mầm non	2,168		157	2,359	348	47
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	4,717		55	4,403		11
	Trung học CS	3,236		46	2,975		9
	Trung học PT	1,578			1,449		
49	Bình Dương	17,459		1,931	18,483	3,077	685
	Mầm non	2,806		251	3,079	524	100
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	7,433		655	8,799	2,021	197
	Trung học CS	5,500		900	5,132	532	270
	Trung học PT	1,720		125	1,472		38
50	Đồng Nai	28,891		2,528	28,763	2,669	805
	Mầm non	5,584		466	5,810	692	186
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	10,972		995	11,665	1,688	299
	Trung học CS	8,687		821	8,155	289	246
	Trung học PT	3,648		246	3,133		74
51	Bà Rịa - Vũng Tàu	13,712		254	13,083	625	78
	Mầm non	2,795		14	2,974	193	6
	- Nhà trẻ						
	- Mẫu giáo						
	Tiểu học	4,752		83	5,101	432	25
	Trung học CS	3,994		96	3,264		29